TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 289/2017/DS-ST
Ngày: 06-9-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Kim Dung

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Mạnh Thị Tú Uyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 8 và ngày 06 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2017/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2017/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2017/QĐST- DS ngày 18/7/2017; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 93/2017/QĐST- DS ngày 10/8/2017giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Địa chỉ: Lầu N, số N, đường K, Phường V, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc T (Theo văn bản ủy quyền số 029/2017/UQ-TTT ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S), (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Minh H, sinh năm: 1986 (vắng mặt).
Địa chỉ: số V, đường S, Phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2016 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Ngày 11/9/2009 Ngân hàng Thương mại cổ phần S với Bà Nguyễn Minh H ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (thẻ Lady first 4862565-6041) với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, và ngày 30/8/2010 ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (thẻ Platinum 436438-2264) hạn mức sử dụng là 200.000.000 đồng, hai thẻ đều có mục đích tiêu dùng cá nhân.

Với thẻ Lady first 4862565-6041, bà H đã thực hiện các giao dịch từ ngày 20/10/2009 đến ngày 22/9/2015 với tổng số tiền là 538.136.312 đồng và bà H đã thanh toán cho Ngân hàng đến ngày 22/6/2016 với số tiền là 561.724.708 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng), nên ngày 22/8/2016 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Tính đến ngày 22/8/2016, bà H còn nợ số tiền gốc là 15.847.485 đồng.

Với thẻ Platinum 436438-2264 bà H đã thực hiện các giao dịch từ ngày 25/11/2010 đến ngày 25/9/2015 với tổng số tiền là 1.131.050.966 đồng và bà H đã thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 25/4/2016 với số tiền là 1.191.731.247 đồng. Tính đến ngày 25/8/2016 bà H còn nợ số tiền gốc là 139.603.256 đồng.

Ngày 02/8/2017 ông Đinh Duy T người đại diện của nguyên đơn có lời khai rút một phần yêu cầu khởi kiện bà H đối với hợp đồng vay thẻ tín dụng có hạn mức 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Quốc T đại diện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà H phải thanh toán số tiền còn nợ của hai thẻ tín dụng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/8/2017 như sau:

Thẻ Lady first 4862565-6041 là: 22.525.597 đồng (gồm nợ gốc 15. 847.485 đồng và nợ lãi quá hạn 6.678.112 đồng).

Thẻ Platinum 436438-2264 là: 199.482.782 đồng (gồm nợ gốc 139.603.256 đồng và nợ lãi quá hạn 59.879.526 đồng)

Tổng số nợ của hai thẻ là: 222.008.379 đồng (199.482.782 đồng + 22.525.597 đồng).

Yêu cầu bà H thanh toán một lần cho ngân hàng số tiền 222.008.379 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Và khoản lãi phát sinh tính từ ngày 31/8/2017 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện bà H đối với hợp đồng vay thẻ tín dụng có hạn mức 30.000.000 đồng.

Bị đơn Bà Nguyễn Minh H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Bà Nguyễn Minh H trả số tiền nợ còn thiếu là 222.008.379.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu bị đơn Bà Nguyễn Minh H trả số tiền nợ thẻ còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "tranh chấp về hợp vay tài sản". Do bị đơn Bà Nguyễn Minh H cư trú tại Quận 10, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét văn bản ủy quyền số 028/2017/UQ-TTT ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S là ủy quyền hợp lệ, nên ông Trần Quốc Tcó đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

[2] Xét xử vắng mặt bị đơn Bà Nguyễn Minh H, theo kết quả xác minh ngày 08/5/2017 của Công an Phường 3, Quận 10, thì Bà Nguyễn Minh H có hộ khẩu thường trú tại 29 Sư Vạn Hạnh, Phường 3, Quận 10 nhưng hiện nay không thực tế cư trú tại địa phương, đã bán nhà vào năm 2013 không rõ địa chỉ để liên hệ. Nên căn cứ Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 về "Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án", thì Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Xét, bà H đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Bà Nguyễn Minh H.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ hai Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/9/2009 và ngày 30/8/2010 và bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S thì chủ thẻ Bà Nguyễn Minh H cam kết sử dụng thẻ theo đúng quy định của pháp luật và hợp đồng với Ngân hàng, chịu mọi trách nhiệm thanh toán tất cả các giao dịch và tất cả các khoản phí, chi phí phát sinh

trên tài khoản do việc sử dụng thẻ cho đến khi thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Theo đó Bà Nguyễn Minh H phải thanh toán cho Ngân hàng số nợ gốc và các khoản lãi, phí nếu không thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng.

Xét, yêu cầu của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện Bà Nguyễn Minh H đối với hợp đồng vay thẻ tín dụng có hạn mức 30.000.000 đồng, là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Xét, tại các bản sao kê do Ngân hàng cung cấp, thể hiện chủ thẻ Bà Nguyễn Minh H đã sử dụng hai thẻ tín dụng nói trên để rút tiền mặt và các khoản phí phát sinh tính từ ngày Ngân hàng phát hành thẻ đến tháng 8/2016, bà H đã sử dụng số tiền của hai thẻ cộng lại là 1.669.182.278 đồng, trả đã được 1.753.455.955 đồng, và còn nợ số tiền gốc của hai thẻ là 154.855.864 đồng. Tính đến ngày khởi kiện 09/12/2016, bà H còn nợ Ngân hàng số tiền của hai thẻ là 177.727.479 đồng, trong đó gồm nợ gốc là 155.450.741 đồng, nợ lãi quá hạn là 22.276.738 đồng.

Như vậy tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/8/2017 Bà Nguyễn Minh H còn nợ Ngân hàng số tiền của hai thẻ là 222.008.379 đồng (gồm nợ gốc 155. 450.741 đồng và nợ lãi quá hạn 66.557.638 đồng).

[4] Xét yêu cầu tính lãi và phí đối với bị đơn:

Căn cứ Thông báo thay đổi lãi suất cho thẻ tín dụng số 4183 ngày 31/8/2009 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S, thì lãi suất áp dụng cho hai loại thẻ bà H sử dụng là 1.60%/tháng; Thông báo số 293, ngày 04/3/2010 là 1.75%/tháng; Thông báo số 66, ngày 14/4/2010 là 2.05%/tháng; Thông báo số 640, ngày 26/4/2010 là 1.8%/tháng; Thông báo số 1330, ngày 15/12/2010 là 1.975%/tháng; Thông báo số 113, ngày 04/7/2011 là 2.15%/tháng. Căn cứ quy định tại mục Điều 22 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S thì "Ngân hàng có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho chủ thẻ".

Qua đó cho thấy việc áp dụng mức lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần S có thay đổi theo từng thời điểm và việc thay đổi mức lãi suất có lúc lớn hơn mức quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nhưng do chủ thẻ Bà Nguyễn Minh H đã đồng ý và ký kết hợp đồng nên phải chịu theo thỏa thuận. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức Tín tụng thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong các hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Nên Bà Nguyễn Minh H phải chịu các khoản lãi và phí nói trên theo quy định trong hợp đồng tín dụng mà bà H đã ký với ngân hàng.

[5] Về thời hạn thanh toán:

Do Bà Nguyễn Minh H vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của

ngân hàng, nên nguyên đơn yêu cầu trả một lần số tiền 222.008.379 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Áp dụng Điều 465, 466 và khoản 1 Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S về việc yêu cầu Bà Nguyễn Minh H trả số tiền trong hợp đồng vay thẻ tín dụng có hạn mức 30.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Bà Nguyễn Minh H có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền là 222.008.379 đồng.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 31/8/2017 cho đến khi Bà Nguyễn Minh H trả dứt nợ vay theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Án phí dân sự sơ thẩm là 11.100418 đồng, Bà Nguyễn Minh H phải chịu.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.137.568 đồng, theo biên lai thu tiền số 0001140 ngày 24/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Tố Nhân